

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 18
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 05-02-2026
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi
con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 18 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tuấn Nam

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Xuân Tạo;
2. Bà Nguyễn Thị Thắm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Toàn – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 18 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 18 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huệ – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 18 - Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 599/2025/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2026 về việc “ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 01 năm 2026, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Phạm Tuyết M, sinh năm 1990; hộ khẩu thường trú: Ấp R, xã H, tỉnh Cà Mau; tạm trú: Số nhà A, đường N, khu phố A, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. *Bị đơn:* Ông Lê Văn N, sinh năm 1981; hộ khẩu thường trú: Ấp R, xã H, tỉnh Cà Mau; tạm trú: Số nhà A, đường N, khu phố A, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Nguyên đơn, bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn xin ly hôn ngày 01/12/2025, quá trình tố tụng, nguyên đơn bà M trình bày:**

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà M và ông N có mối quan hệ là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, Cà Mau vào ngày 11/12/2009. Quá trình chung

sống, vợ chồng thường phát sinh mâu thuẫn, không có sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, hiện đã không còn sống chung. Bà M thấy rằng, mục đích hôn nhân không đạt được, hai bên sống chung không hạnh phúc nên yêu cầu được ly hôn với ông N.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Lê Minh T, sinh ngày 18/02/2013. Bà M yêu cầu được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chứng cứ nguyên đơn giao nộp: Bản chính đơn xin ly hôn; bản sao giấy chứng nhận kết hôn, bản sao giấy khai sinh.

*** Ý kiến của bị đơn:**

Bị đơn ông N không có ý kiến về nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà M, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

*** Xác minh và làm việc của Tòa án:**

Tòa án đã tiến hành xác minh đối với gia đình nguyên đơn, xác định: Quá trình chung sống, vợ chồng sống chung không hợp, không còn yêu thương nhau, hiện đã ly thân hơn 01 năm.

*** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 18 - Thành phố Hồ Chí Minh có ý kiến:**

Quá trình tố tụng cũng như diễn biến tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, đã thực hiện đầy đủ việc tổng đạt các văn bản tố tụng cho các bên đương sự. Tại phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn có yêu cầu vắng mặt nên đề nghị xét xử vắng mặt đương sự theo các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Không kiến nghị khắc phục, bổ sung các thủ tục tố tụng. Quan hệ pháp luật là tranh chấp ly hôn, tranh chấp về nuôi con. Đề nghị, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về ly hôn, nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Từ những tài liệu chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ. Sau khi nghe lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định,

[1] Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm, nguyên đơn, bị đơn có yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn bà M khởi kiện tranh chấp ly hôn đối với bị đơn ông N, ông N có nơi cư trú tại khu phố A, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 18-Thành phố Hồ Chí Minh và quan hệ pháp luật tranh chấp là “ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Theo đơn xin ly hôn, bà M khởi kiện ly hôn với ông N. Quá trình tố tụng, bà M giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Ông N đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của bà M:

[4.1] *Về quan hệ hôn nhân*: Bà M và ông N có mối quan hệ là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, Cà Mau vào ngày 11/12/2009. Hôn nhân giữa bà M và ông N đã thực hiện đúng thủ tục quy định nên được pháp luật thừa nhận là vợ chồng. Trong thời gian chung sống, ông N và bà M có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do sống chung không hợp, không ai quan tâm, chăm sóc nhau; hiện vợ chồng không còn ở chung. Quá trình giải quyết vụ án, ông N không có ý kiến, điều này thể hiện bị đơn không có thiện chí hòa giải để hàn gắn tình cảm. Thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà M được ly hôn với ông N theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4.2] *Về con chung*: Trong thời gian chung sống, bà M và ông N có 01 con chung tên Lê Minh T, sinh ngày 18/02/2013. Bà M yêu cầu được nuôi dưỡng con chung. Xét thấy, cháu T có nguyện vọng được sống cùng với mẹ nên Hội đồng xét xử giao cháu cho bà M trực tiếp nuôi dưỡng theo quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4.3] *Về cấp dưỡng*: Bà M không yêu cầu ông N cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4.4] *Về tài sản chung*: Bà M xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4.5] *Về nợ chung*: Bà M không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 18-Thành phố Hồ Chí Minh về quá trình tiến hành tố tụng cũng như diễn biến tại phiên tòa cũng như nội dung giải quyết vụ án là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật.

[6] Bà M tự nguyện chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 19, 53, 56, 81, 82, 83, 84, 85, 107 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà Phạm Tuyết M đối với ông Lê Văn N.

1.1. *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Phạm Tuyết M được ly hôn với ông Lê Văn N.

1.2. *Về con chung và cấp dưỡng nuôi con*: Bà Phạm Tuyết M được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Lê Minh T, sinh ngày 18/02/2013 cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Phạm Tuyết M về việc không yêu cầu ông Lê Văn N cấp dưỡng nuôi con.

Hai bên được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định pháp luật. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi có đơn yêu cầu.

1.3. *Về tài sản chung và nợ chung*: Bà M không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí: Bà Phạm Tuyết M tự nguyện chịu toàn bộ số tiền 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số: 0044918 ngày 02/12/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố H.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực 18-TP.Hồ Chí Minh;
- Phòng THADS khu vực 18-TP. Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tuấn Nam